

TÀI LIỆU KỸ THUẬT

BacterPlate™ Haemophilus Test Agar

05042

1 MỤC ĐÍCH

BacterPlate™ Haemophilus Test Agar được khuyến nghị sử dụng để kiểm tra độ nhạy cảm kháng sinh của Haemophilus influenzae. Môi trường này vượt trội hơn Mueller Hinton Agar khi có thêm hemoglobin, giúp dễ dàng quan sát các vùng ức chế. Đồng thời, môi trường này có hàm lượng thymidine thấp, cho phép kiểm tra chính xác với trimethoprim/sulfamethoxazole.

2 NGUYÊN TẮC

BacterPlate™ Haemophilus Test Agar là môi trường chọn lọc và tăng cường, được thiết kế để nuôi cấy và kiểm tra độ nhạy cảm kháng sinh của các loài Haemophilus cần hemin (Yếu tố X), NAD (Yếu tố V) hoặc cả hai. Khác với Mueller Hinton Agar, môi trường này chứa chiết xuất men, HM infusion B, và acicase để đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng đặc biệt của Haemophilus.

Môi trường trong suốt, giảm thiểu đối kháng kháng sinh và tăng cường khả năng quan sát các vùng ức chế nhờ hemoglobin được thêm vào. Phương pháp này được NCCLS khuyến nghị cho cả thử nghiệm pha loãng và khuếch tán đĩa.

Để kiểm tra, cấy mẫu vào môi trường bằng tăm bông có mẫu hoặc huyền phù vi khuẩn và đặt các đĩa kháng sinh lên bề mặt. Ủ trong môi trường có tăng cường CO₂, sau đó đo các vùng ức chế để xác định tính nhạy cảm, khả năng kháng hoặc phản ứng trung gian dựa trên tiêu chuẩn NCCLS. Môi trường BacterPlate™ Haemophilus Test Agar đảm bảo kết quả đáng tin cậy và chính xác cho các ứng dụng lâm sàng và nghiên cứu.

3 THÀNH PHẦN

Trong một lít môi trường :

Acid Hydrolysate of Casein:	17,5	g
Meat Extract:	2,0	g
Soluble starch:	1,5	g
Yeast Extract:	5,0	g
Agar:	17,0	g
Hematin:	0,015	g
Nicotinamide Adenine Dinucleotide (NAD)	0,015	g

pH của môi trường chuẩn bị sẵn 25 °C: 7.2 - 7.6.

Các thành phần có thể điều chỉnh để đạt hiệu suất tối ưu.

4 HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Cấy hoặc trải đều mẫu thử nghiệm (50 – 100 CFU) một cách vô trùng lên đĩa môi trường.

5 KẾT QUẢ

Quan sát các đĩa sau khi ủ trong 16 – 18 giờ. Phải có sự phát triển liên tục. Nếu chỉ có các khuẩn lạc riêng lẻ thì do mẫu cấy ban đầu quá nhẹ và cần lặp lại thử nghiệm.

Đo đường kính vùng ức chế hoàn chỉnh (bao gồm cả đường kính đĩa) đến milimet gần nhất bằng thước cặp, thước đo, hoặc dụng cụ đo chuyên dụng.

Thiết bị đo nên được giữ phía sau đĩa, trên nền đen không phản chiếu và được chiếu sáng từ trên.

Khu vực không có sự phát triển của khuẩn lạc sẽ được coi là vùng ức chế. Bỏ qua các khuẩn lạc nhỏ mờ ở rìa vùng trong suốt. Với trimethoprim và sulfonamides, các chất đối kháng trong môi trường có thể tạo điều kiện cho sự phát triển nhẹ; do đó, chỉ đo vùng rõ ràng để xác định đường kính vùng ức chế.

Thực hiện các xét nghiệm bổ sung phù hợp để xác nhận vi khuẩn đã phân lập.

6 KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

Kiểm tra	Thông số kỹ thuật
Cảm quan	Thạch màu hồ phách nhạt, trong suốt đến hơi trắng đục
pH	7.1 - 7.5
Thể tích rót(ml)	20 ± 0,2

Kiểm tra	Điều kiện ủ	Đặc tính kỹ thuật
Kiểm tra độ vô trùng	30 – 35°C / 7 ngày	Không mọc

Thử nghiệm khả năng phá triển(GPT) Chủng vi sinh vật	Nồng độ cấy	Điều kiện ủ	Đặc tính kỹ thuật
<i>Haemophilus influenzae</i> WDCM 00013 (ATCC 25922)	10-100 CFU	35 – 37°C/18 - 24h	PR ≥ 70%
<i>Enterococcus faecalis</i> WDCM 00087 (ATCC 29212)	10-100 CFU	35 – 37°C/18 - 24h	PR ≥ 70%
<i>Streptococcus pyogenes</i> (ATCC 19615)	10-100 CFU	35 – 37°C/18 - 24h	PR ≥ 70%
<i>Neisseria meningitidis</i> (ATCC 13090)	10-100 CFU	35 – 37°C/18 - 24h	PR ≥ 70%
<i>Staphylococcus aureus subsp. aureus</i> WDCM 00013 (ATCC 25923)	10-100 CFU	35 – 37°C/18 - 24h	PR ≥ 70%

7 BẢO QUẢN

Nhiệt độ lưu trữ: 2 - 8°C.

Hạn sử dụng: 04 tháng kể từ ngày sản xuất

(*) Giá trị chuẩn được xác định trong các điều kiện chuẩn bị tiêu chuẩn, theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

Trang 2

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KHOA HỌC LABONE

🇻🇳 Số 228/13/3 Nguyễn Thị Lăng, Củ Chi, Hồ Chí Minh, Việt Nam.

🇺🇸 No. 82 Wendell Ave, Pittsfield, MA 01201, United states.

MST 0312088377

🌐 labone.com.vn

☎ + (084) 0978 782 147

✉ info@labone.vn

☎ +1339 208 0611

✉ usa@labone.vn

8 ĐÓNG GÓI

Tên sản phẩm	Mã sản phẩm	Đóng gói
BacterPlate™ Haemophilus Test Agar	05042	10 đĩa/ hộp

9 THAM KHẢO

- Barry, A. L., Garcia, F., & Thrupp, L. D. (1970). American Journal of Clinical Pathology, 53, 149.
- Bauer, A. W., Kirby, W. M., Sherris, J. C., & Turck, M. (1966). American Journal of Clinical Pathology, 45, 493.
- Isenberg, H. D. Clinical Microbiology Procedures Handbook (2nd Edition).
- Jorgensen, J. H., Redding, J. S., Maher, L. A., & Howell, A. W. (1987). Journal of Clinical Microbiology, 25, 2105.
- Jorgensen, J. H., Howell, A. W., & Maher, L. A. Journal of Clinical Microbiology, 28, 985.
- Murray, P. R., Baron, J. H., Pfaller, M. A., Jorgensen, J. H., & Tenover, R. C. (Eds.). (2003). Manual of Clinical Microbiology (8th Edition). American Society for Microbiology, Washington, D.C.
- Ryan, K. J., Schoenknecht, F. D., & Kirby, W. M. (1970). Hospital Practice, 5, 91.
- HiMedia Laboratories. (n.d.). Haemophilus Test Agar Plate Product Information.

10 THÔNG TIN BỔ SUNG

Thông tin được cung cấp trên nhãn được ưu tiên hơn các công thức hoặc hướng dẫn mô tả trong tài liệu này và có thể sửa đổi bất cứ lúc nào mà không cần cảnh báo.

Mã tài liệu: Haemophilus Test Agar_VN
Ngày tạo: 06-2025
Cập nhật: 04-2026

Nguyên nhân cập nhật: hệ thống